TÒA ÁN NHÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2019/HNGĐ – ST.
Ngày 02 - 4 - 2019.
V/v *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn;

2. Bà Nguyễn Thị Tường Vi.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa*: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 856/2018/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019; Quyết định Hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST - HNGĐ ngày 18/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Hoàng Q, sinh năm 1979. Hộ khẩu thường trú: Số 100H Hẻm 3, khóm Đ 5, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Lâm K, sinh năm 1980. Hộ khẩu thường trú: Số 100H Hẻm 3, khóm Đ 5, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Bà Quyên có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; ông Ký vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 10/12/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Hoàng Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Hoàng Q và ông Trần Lâm K kết hôn năm 2005, hôn nhân tự nguyện lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2005 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số Số 100H Hẻm 3, khóm Đ 5, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang đến tháng 11 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống thời gian dài không hàn gắn được. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K.

- Về quan hệ con chung: Bà Võ Hoàng Q và ông Trần Lâm K có 01 (Một) con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 16/7/2007. Sau khi ly hôn, bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Q trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Lâm K không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn của bà Q và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Bà Qcó đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 29/3/2019 lý do phải đi khám bệnh ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không về dự tòa được.

Ông K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Q có đơn đề ngày 29/3/2019 nộp cho Tòa án với nội dung đề nghị xét xử vắng mặt do bà phải đi khám bệnh ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không về dự tòa được. Ông K không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Q và ông K là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Hoàng Q đối với ông Trần Lâm K.

Về con chung: Do con chung của bà Q và ông K là cháu là cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 16/7/2007 đang sống với bà Q và cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Q để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho cháu Trần Hoàng A.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con do bà Q không có yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q trình bày không không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung; Bị đơn ông K không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa bà Võ Hoàng Q và ông Trần Lâm K là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết.

[1.2] Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, bà Q có đơn đề ngày 29/3/2019 nộp cho Tòa án với nội dung đề nghị xét xử vắng mặt do phải đi khám bệnh ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không về dự tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Q.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Trần Lâm K và được Công an phường M, thành phố L cung cấp thông tin: "Ông Trần Lâm K, sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 100H Hẻm 3, khóm Đ 5, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang". Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà Q và ông K dựa trên cơ sở tự nguyện của đôi bên, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56/MX, quyển số 01/2005 ngày 23/3/2005 phù hợp với Điều 39 Bộ luật sự năm 2005; Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà Q trình bày nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ sự bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong đời sống vợ chồng thời gian dài không hàn gắn được nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 11 năm 2013 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không còn mang lại hạnh phúc nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông K.

Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà Q và ông K đã kéo dài một thời gian. Từ khi ly thân, vợ chồng không thường xuyên gặp gở, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó,

căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Hoàng Q.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Bà Q và ông K có một con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 16/7/2007. Từ khi vợ chông ly thân, bà Q là người trực tiếp nuôi con đến nay; Tại biên bản lấy lời khai con chung ngày 19/12/2018 thể hiện cháu Hoàng A cũng có mong muốn được tiếp tục chung sống với mẹ. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần cũng như đảm bảo cho việc học hành cho cháu Hoàng A, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà Q giao cháu Hoàng A cho bà Q tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên do bà Q không có yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Q và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông K được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:

Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn ông K cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí sơ thẩm:

Bà Q phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 , Điều 81, Điều 82 và 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Võ Hoàng Q và bị đơn ông Trần Lâm K.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Hoàng Q được ly hôn với ông Trần Lâm K.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Võ Hoàng Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 16/7/2007.

Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Q không có yêu cầu.

Bà Q và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông K được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010737 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà Q đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Trang

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *UBND phường M, TP.L, tỉnh An Giang;*
- *Lưu hồ sơ./.*